KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 4 NĂM 2025

(Số liệu đến ngày 30/4/2025)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
	KBNN KHU VỰC XX (A+B)	**1.690.714**	**217.005**	**12.84%**	**22.339.707**	**2.978.130**	**13.33%**	
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**	**6.390**	**2.700**	**42.25%**	**916.364**	**197.774**	**21.58%**	
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**	**1.255.561**	**171.893**	**13.69%**	**11.117.143**	**1.051.482**	**9.46%**	
	KIÊN GIANG (A+B)	**1.261.950**	**174.593**	**13.84%**	**11.765.317**	**1.202.589**	**10.22%**	
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**	**6.390**	**2.700**	**42.25%**	**701.819**	**161.850**	**23.06%**	
I	**Tòa án nhân dân tối cao**	-	-	-	**7.500**	**4.228**	**56.37%**	
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				7.500	4.228	56.37%	
II	**Viện kiểm sát Nhân dân tối cao**	-	-		**19.500**	**3.500**	**17.95%**	
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				19.500	3.500	17.95%	
III	**Bộ Công An**	-	-	-	**8.000**	-	**0.00%**	
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				5.000	-	0.00%	
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				3.000	-	0.00%	
IV	**Bộ Quốc phòng**	-	-	-	**104.360**	**31.348**	**30.04%**	
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				24.300	17.437	71.76%	
2	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Kiên Giang				42.725	4.957	11.60%	
3	700468603 - Đầu tư XDCT khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9 (GĐ3)				37.335	8.953	23.98%	
V	**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**				**355.240**	**44.977**	**12.66%**	
1	7923678 - Khu neo dậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				232.240	18.798	8.09%	
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				83.000	25.677	30.94%	
3	7868632 - Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu				40.000	502	1.25%	
VI	**Bộ Tư pháp**	-	-	-	**30.693**	**1.877**	**6.12%**	
1	7556555 - Cải tạo mở rộng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang				303	303	99.91%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	7558995 - Trụ sở làm việc THADS huyện Giang Thành.				390	378	96.96%	
3	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				30.000	1.196	3.99%	
VI	**Bộ Tài chính**	-	-		-	-	-	
1	7558675 - Chi cục thuế huyện An Minh				-	-		
2	7866895 - Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc				-	-		
VII	**Bộ Xây dựng**	**6.390**	**2.700**	**42.25%**	**176.526**	**75.921**	**43.01%**	
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				98.000	-	0.00%	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				2.500	-	0.00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				12.608	12.608	100.00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				15.000	15.000	100.00%	
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)	6.390	2.700	42.25%				
6	120092032 - Tiểu DA GPMB 1B-DA đường hành lang ven biển phía Nam				20.000	20.000	100.00%	
7	120092033 - Tiểu dự án GPMB 2 Kiên Giang-DA Đường HL ven biển phí Nam				11.003	10.898	99.05%	
8	120092034 - Tiểu dự án GPMB 3 DA Đường hành lang ven biển ĐPVN				17.415	17.415	100.00%	
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**	**1.255.561**	**171.893**	**13.69%**	**11.063.498**	**1.040.739**	**9.41%**	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HĐND TỈNH GIAO)	**1.255.561**	**171.893**	**13.69%**	**11.063.498**	**1.040.739**	**9.41%**	
I	**Dự án tỉnh quản lý**	**839.432**	**9.891**	**1.18%**	**6.800.086**	**703.839**	**10.35%**	
I.1	**BCH Bộ đội biên phòng tỉnh**	-	-		**68.413**	**420**	**0.61%**	
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông				1.620	-	0.00%	
2	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá				662	-	0.00%	
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy				458	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)				392	-	0.00%	
5	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				553	-	0.00%	
6	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				11.414	-	0.00%	
7	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu				200	-	0.00%	
8	Dự án đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714), xã Tân Thạnh, huyện An Minh				49.630	420	0.85%	
9	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng.				2.492	-	0.00%	
10	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang				600	-	0.00%	
11	Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ				392	-	0.00%	
I.2	**BCH Quân sự tỉnh**	-	-		**375.129**	**42.413**	**11.31%**	
1	Ban Chỉ huy Quân sự phường Mỹ Đức; Ban Chỉ huy Quân sự phường Bình San thuộc thành phố Hà Tiên				4.327	1.888	43.63%	
2	Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Mỹ; Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Khánh Hoà thuộc huyện Giang Thành				4.332	3.654	84.34%	
3	Ban Chỉ huy Quân sự xã Bàn Thạch; Ban Chỉ huy Quân sự xã Hoà Thuận; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng				5.996	137	2.28%	
4	Ban Chỉ huy Quân sự xã Hưng Yên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Đông Thái thuộc huyện An Biên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thuận Hoà huyện An Minh				5.992	2.225	37.13%	
5	Dự án xây dựng doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện An Biên				54.482	19.946	36.61%	
6	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				300.000	14.564	4.85%	
I.3	**Công an tỉnh**	-	-		**93.169**	**30.515**	**32.75%**	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.				12.630	70	0.55%	
2	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Châu Thành) thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				6.300	2.626	41.68%	
3	Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				239	-	0.00%	
4	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn I) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				50.000	12.733	25.47%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
5	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn II) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				24.000	15.086	62.86%	
I.4	**Sở giáo dục và đào tạo**	**12.105**	**-**	**0.00%**	**23.642**	**991**	**4.19%**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				3.505	126	3.60%	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng				2.319	-	0.00%	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành				1.418	186	13.10%	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2.075	-	0.00%	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				1.348	679	50.37%	
6	Dự án Cải tạo, sửa chữa ký túc xá sinh viên Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh				12.977	-	0.00%	
7	ĐTXD công trình Trường THPT Phú Quốc	1.118	-	0.00%				
8	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông	544	-	0.00%				
9	Trường THPT An Thới	7.513	-	0.00%				
10	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	157	-	0.00%				
11	Trường THPT An Thới	1.706	-	0.00%				
12	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	775	-	0.00%				
13	ĐTXD công trình Trường THPT Phú Quốc	292	-	0.00%				
I.5	**Sở Xây dựng (Lĩnh vực giao thông)**	**40.049**	**23**	**0.06%**	**2.995.152**	**32.824**	**1.10%**	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)				8.305	-	0.00%	
2	- Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				69	-	0.00%	
3	- Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.970 nối dài (từ cầu Tám Ngàn đến đường ven biển Hòn Đất - Kiên Lương)				70	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	- Đầu tư xây dựng đường nối cầu Thứ 11 kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				277	-	0.00%	
5	- Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 63 (Thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				94	-	0.00%	
6	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá - Hòn Đất)				47	-	0.00%	
7	- Đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				55	-	0.00%	
8	- Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.965				102	-	0.00%	
9	- Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển kết nối cảng An Thới				148	-	0.00%	
10	- Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.963 nối đến huyện Giang Thành				3.000	-	0.00%	
11	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT.965 (Công Sự) - sông Cái Lớn (U Minh Thượng)				293	-	0.00%	
12	- Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.965C - kết nối QL63				73	-	0.00%	
13	- Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn nút giao N1 - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				77.930	-	0.00%	
14	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc				39.992	-	0.00%	
15	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80 - đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				60	-	0.00%	
16	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị Dương Đông				2.000	-	0.00%	
17	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị An Thới				2.000	-	0.00%	
18	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1 (đoạn từ Cảng HK Phú Quốc tới TT hội nghị và tới Cảng An Thới)				2.000	-	0.00%	
19	Dự án đầu tư đường bộ ven biển phía Đông đảo Phú Quốc				2.000	-	0.00%	
20	Dự án đường bộ ven biển kết nối cảng An Thới				2.000	-	0.00%	
21	Dự án đầu tư xây dựng đại lộ Đông - Tây đảo Phú Quốc				2.000	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
22	Dự án đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ Cửa Lấp - đường Võ Thị Sáu - đường bộ ven biển phía Tây đảo Phú Quốc)				2.000	-	0.00%	
23	Dự án đường trục Dương Đông đi Bắc đảo (ĐT 975B)				2.000	-	0.00%	
24	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cảnh quan sông Dương Đông				2.000	-	0.00%	
25	Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 (đoạn từ Minh Lương - Tắc Cậu)				1.392	-	0.00%	
26	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường bộ ven biển từ Kiên Lương đi Hà Tiên				2.000	-	0.00%	
27	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				528.000	32.801	6.21%	
28	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây Đảo Phú Quốc				224.123	-	0.00%	
29	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên				650.000	-	0.00%	
30	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc				1.441.093	23	0.00%	
31	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh nhánh)				23	-	0.00%	
32	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)				6	-	0.00%	
33	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	1.062	-	0.00%				
34	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng	393	-	0.00%				
35	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	430	-	0.00%				
36	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch giá (ranh giới Rạch giá-Hòn Đất)	111	-	0.00%				
37	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá	128	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
38	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất	141	-	0.00%				
39	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	8.938	-	0.00%				
40	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng	9.607	-	0.00%				
41	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	2.570	-	0.00%				
42	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang	3.400	-	0.00%				
43	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)	1.500	-	0.00%				
44	8078475 - Đầu tư xây dựng công trình cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá (CBĐT) (CBĐT)	4.419	23	0.53%				
45	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (Châu Thành-Gò Quan)	396	-	0.00%				
46	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh Nhánh)	325	-	0.00%				
47	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)	360	-	0.00%				
48	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Đường ĐT 968 (từ DT 965-đường ven biển)	295	-	0.00%				
49	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch giá đến cầu Ba Hòn)	4.000	-	0.00%				
50	QHPK khu vực phía tây Rạch Sỏi thuộc địa bàn thành phố Rạch giá và huyện Châu Thành	337	-	0.00%				
51	Điều chỉnh cục bộ QHCTXD Khu đô thị mới Phú Cường-thuộc Điều chỉnh QHCTXD khu vực 4,5 khu đô thị mới lấn biển thành phố Rạch giá	133	-	0.00%				
52	QHPK khu vực trụ sở UBND tỉnh và các sở ngành tại phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch giá	995	-	0.00%				
53	Điều chỉnh cục bộ QH Tổng mặt bằng sử dụng đất Trường Cao đẳng Kiên Giang	385	-	0.00%				
54	QH Tổng mặt bằng trụ sở UBND tỉnh	124	-	0.00%				
I.6	**Sở văn hóa thể thao**	**1.763**	**1.008**	**57.18%**	**68.852**	**29.112**	**42.28%**	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				68.852	29.112	42.28%	
2	8058722 - Tu bổ, tôn tạo chùa Láng Cát. Hạng mục: Tu sửa trụ sở làm việc của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	1.106	1.008	91.15%				
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	657	-	0.00%				
I.7	**Tòa án nhân dân tỉnh**	**1.922**	**-**	**0.00%**				
1	Dự án xây mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang	1.922	-	0.00%				
I.8	**BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT**	**991**	**-**	**0.00%**	**1.813.238**	**211.142**	**11.64%**	
1	Vay thực hiện dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long"				101.500	-	0.00%	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, huyện Phú Quốc.				92.566	4.196	4.53%	
3	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				291.382	7.112	2.44%	
4	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				69.063	21	0.03%	
5	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu				472.530	149.074	31.55%	
6	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.				28.643	2.195	7.66%	
7	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.				627.669	41.807	6.66%	
8	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau				109.385	6.737	6.16%	
9	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025				7.000	-	0.00%	
10	Vay thực hiện Dự án "Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang"				13.500	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
11	Dự án ĐTXD hồ chứa nước cửa cạn (Phía thượng lưu cầu suối cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc	991	-	0.00%				
I.9	**Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn**	**1.717**	**-**	**0.00%**	**88.036**	**11.204**	**12.73%**	
1	Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				2.370	-	0.00%	
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.				9.281	-	0.00%	
3	Trạm cấp nước ấp Bình Minh,huyện Vĩnh Thuận				12.991	1.007	7.75%	
4	Trạm cấp nước xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10.498	3.670	34.96%	
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên.				3.509	1.660	47.30%	
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận				650	-	0.00%	
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Bình Sơn				14.497	4.612	31.81%	
8	Nâng cấp, mở rộng tạm cấp nước xã Đông Hưng, huyện An Minh				34.240	255	0.74%	
9	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	71	-	0.00%				
10	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	89	-	0.00%				
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	34	-	0.00%				
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	90	-	0.00%				
13	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m3/h	541	-	0.00%				
14	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước nước xã Vĩnh Bình Bắc	891	-	0.00%				
I.10	**Ban QLDA đầu tư xây dựng - giao thông (Lĩnh vực giao thông)**	**285.771**	**-**	**0.00%**	**58.452**	**-**	**0.00%**	
1	Dự án nâng cấp đường Thứ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.				1.010	-	0.00%	
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh				400	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)				600	-	0.00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc				6.568	-	0.00%	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)				700	-	0.00%	
6	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)				809	-	0.00%	
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất				6.700	-	0.00%	
8	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)				34.765	-	0.00%	
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang				6.900	-	0.00%	
10	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng	4.804	-	0.00%				
11	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy ở U Minh Thượng	6.492	-	0.00%				
12	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang	187.365	-	0.00%				
13	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa cạn-Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc	12.825	-	0.00%				
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên)	1.431	-	0.00%				
15	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường viên biển từ Rạch giá đi Hòn Đất	72.854	-	0.00%				
I.11	**Ban QLDA đầu tư xây dựng - giao thông (Lĩnh vực DDCN)**	**425.403**	**8.830**	**2.08%**	**914.476**	**251.138**	**27.46%**	
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang				6.037	198	3.28%	
2	8009358 - Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang				77.500	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	8002318 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình tại Trung tâm Phát sóng Hòn Me				10.450	591	5.66%	
4	8057915 - Hội trường và phòng họp trực tuyến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang				19.782	2.474	12.51%	
5	dự án Cải tạo, sữa chữa nhà làm việc, các hạng mục phụ và mua sắm trang thiết bị trụ sở Thanh tra tỉnh Kiên Giang				5.723	891	15.56%	
6	Dự án cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ Sở Công thương tỉnh Kiên Giang				7.833	280	3.58%	
7	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				15.217	373	2.45%	
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang				7.653	200	2.61%	
9	Trường Trung học cơ sở Đông Hồ				19.000	2.695	14.18%	
10	Trường Trung học phổ thông Thạnh Đông				9.604	2.273	23.67%	
11	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				10.366	1.646	15.88%	
12	Trường Trung học phổ thông Kiên Lương				9.430	3.760	39.87%	
13	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	133.823	-	0.00%	585.000	198.333	33.90%	
14	Nhà thi đấu Đa năng huyện Châu Thành				12.866	3.965	30.82%	
15	Đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân Khu công nghiệp Thạnh Lộc				1.516	-	0.00%	
16	Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên trường Đại học Kiên Giang				989	-	0.00%	
17	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				37.540	20.265	53.98%	
18	Đường vào khu di lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận-mộ Chị Sứ)				3.116	-	0.00%	
19	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê-đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Queó)				6.750	-	0.00%	
20	Dự án hệ thống tòa nhà trang âm, thiết bị phim trường có khán giả và hạng mục phụ				18.000	-	0.00%	
21	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm				104	103	99.21%	
22	Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				50.000	13.091	26.18%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
23	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	22.710	-	0.00%				
24	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)	1.700	-	0.00%				
25	Xây dự trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh	687	-	0.00%				
26	Trường THCS và THPT Minh Thuận	100	-	0.00%				
27	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc	150	-	0.00%				
28	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa	81	-	0.00%				
29	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	1.200	-	0.00%				
30	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất	150	-	0.00%				
31	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên	1.986	-	0.00%				
32	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	295	-	0.00%				
33	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	99.283	1.252	1.26%				
34	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	151.376	7.578	5.01%				
35	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	1.407	-	0.00%				
36	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành	400	-	0.00%				
37	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang	5.729	-	0.00%				
38	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	878	-	0.00%				
39	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	1.619	-	0.00%				
40	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	1.830	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
I.12	**Văn phòng tỉnh ủy**	**2.009**	**-**	**0.00%**	**103.106**	**8.345**	**8.09%**	
1	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				32.495	4.282	13.18%	
2	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hoà Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng				9.938	10	0.10%	
3	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước; sửa chữa nhà công vụ Huyện uỷ Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng				5.311	-	0.00%	
4	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc; xã Định Hòa; xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10.131	125	1.24%	
5	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Gò Quao; sửa chữa và và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				4.696	685	14.60%	
6	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi; xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				4.967	709	14.28%	
7	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện uỷ huyện An Minh				7.531	155	2.05%	
8	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường Huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				8.899	-	0.00%	
9	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện uỷ Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				7.678	1.255	16.34%	
10	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện uỷ Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				6.877	74	1.08%	
11	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành ủy; sửa chữa nhà công vụ Thành ủy, thành phố Phú Quốc				2.402	-	0.00%	
12	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành				58	-	0.00%	
13	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện Gò Quao	514	-	0.00%	1	-	0.00%	
14	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện An Minh	358	-	0.00%	3	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
15	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải		-		2.119	1.049	49.51%	
16	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao	660	-	0.00%				
17	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh	477	-	0.00%				
I.13	**Hội nông dân tỉnh**				**15.000**	**-**	**0.0%**	
1	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh				15.000	-	0.00%	-
I.14	**Trường Cao đẳng nghề**	**-**	**-**	**-**	**3.400**	**-**	**0.00%**	
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang				3.400	-	0.00%	
I.15	**Trường cao đẳng Kiên Giang**	**1.563**	**-**	**0.00%**				
1	ĐTXD Trường Cao Đẳng Kiên Giang (xây mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị)	1.563	-	0.00%				
I.16	**Ngân hàng Chính sách xã hội**	**-**	**-**	**-**	**103.000**	**85.668**	**83.17%**	
1	Cho vay đối với người nghèo các đối tượng chính sách khác				80.000	80.000	100.00%	
2	Cho vay lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài				20.000	4.888	24.44%	
3	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù				3.000	780	26.00%	
I.17	**Vườn Quốc Gia Phú Quốc**				**59.203**	**-**	**0.00%**	
1	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1				59.203	-	0.00%	
I.18	**Dự án chưa phân khai**				**3.744**	**-**	**0.00%**	
I.19	**Sở Khoa học công nghệ**				**14.074**	**67**	**0.5%**	
1	7941404 - Xây dựng cổng dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang				14.074	67	0.48%	
I.20	**Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc**	**8.578**	**-**	**0.00%**				
1	QHPK đảo Hòn Thơm	899	-	0.00%				
2	QHPK khu vực Bãi Khem và Mũi Ông Đội	906	-	0.00%				
3	QHPK Khu vực Rạch Tràm	894	-	0.00%				
4	Quy hoạch phân khu	5.879	-	0.00%				
I.21	**Huyện Gò Quao**	**100**	**-**	**0.00%**				
1	QHC thị trấn Gò Quao	100	-	0.00%				
I.22	**Huyện U Minh Thượng**	**1.952**	**-**	**0.00%**				
1	8124899 - Quy hoạch chung đô thị mới U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng đến năm 2045	1.952	-	0.00%				
I.23	**Huyện Tân Hiệp**	**1.114**	**-**	**0.00%**				
1	QHC thị trấn Tân Hiệp	1.114	-	0.00%				
I.24	**Huyện An Biên**	**1.000**	**-**	**0.00%**				
1	QHC thị trấn Thứ Ba	1.000	-	0.00%				
I.25	**Huyện Châu Thành**	**314**	**-**	**0.00%**				
1	QHC thị trấn Minh Lương	214	-	0.00%				
2	QHC đô thị mới Tắc Cậu	100	-	0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
I.26	**Huyện Giang Thành**	**195**	**-**	**0.00%**				
1	8126674 - Quy hoạch chung đô thị mới Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành đến năm 2045	195	-	**0.00%**				
I.27	**Huyện Giồng Riềng**	**1.658**	**-**	**0.00%**				
1	QHC thị trấn Giồng Riềng	1.453	-	**0.00%**				
2	QHC đô thị mới Long Thạnh	205	-	0.00%				
I.28	**Thành phố Rạch Giá**	**640**	**29**	**4.56%**				
1	7864939 - Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 19,994ha	30	29	97.38%				
2	Đồ án Quy hoạch phân khu Nam Vĩnh Quang (thuộc KP1), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	100	-	0.00%				
3	Đồ án QHPK phường An Hòa (thuộc PK3), thành phố Rạch giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000	6	-	0.00%				
4	Đồ án QHPK phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	190	-	0.00%				
5	Đồ án QH phân khu hành chính, thương mại, dịch vụ Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	105	-	0.00%				
6	Đồ án Quy hoạch chi tiết phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch giá, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500	56	-	0.00%				
7	Đồ án QHPK phường Vĩnh Thanh (thuộc KP1), thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	18	-	0.00%				
8	Đồ án QHPK Khu phức hợp đô thị và sân golf (thuộc KP3), thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	3	-	0.00%				
9	Đồ án QHPK Bắc Vĩnh Quang (thuộc PK1), phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	38	-	0.00%				
10	Đồ án QHPK phường Vĩnh Thanh (thuộc KP1), thành phố Rạch giá, tỷ lệ 1/2000	44	-	0.00%				
11	Điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Rạch giá, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040	50	-	0.00%				
I.29	**Huyện Kiên Lương**	**500**	**-**	**0.00%**				
1	Điều chỉnh cục bộ QHCXD đô thị công nghiệp Kiên Lương-Ba Hòn-Hòn Chông	500	-	0.00%				
I.30	**Huyện Kiên Hải**	**1.175**	**-**	**0.00%**				
1	QHC đô thị mới Hòn Tre	291	-	0.00%				
2	QHC đô thị mới Lại Sơn	174	-	0.00%				
3	QHC đô thị mới An Sơn	271	-	0.00%				
4	QHC đô thị mới Nam Du	439	-	0.00%				
I.31	**Huyện An Minh**	**17.000**	**-**	**0.00%**				
1	7560892.Đường KT1	17.000	-	0.00%				
I.32	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**	**31.914**	**-**	**0.00%**				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1;5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	601	-	0.00%				
2	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	31.313	-	0.00%				
II	**Huyện, thành phố quản lý**	**416.128**	**162.002**	**38.9%**	**4.263.412**	**336.899**	**7.90%**	
1	Huyện Vĩnh Thuận	20.059	5.653	28.18%	330.972	25.251	7.63%	
2	Huyện Hòn Đất	4.395	1.071	24.38%	211.904	12.143	5.73%	
3	Huyện Gò Quao	51.230	2.237	4.37%	218.692	29.942	13.69%	
4	Huyện An Minh	17.919	3.184	17.77%	93.250	17.632	18.91%	
5	Huyện Kiên Hải	4.273	2.248	52.60%	44.930	15.852	35.28%	
6	Huyện An Biên	331	7	2.05%	291.438	43.925	15.07%	
7	Huyện Châu Thành	46.086	2.133	4.63%	93.267	12.481	13.38%	
8	Huyện Kiên Lương	52.899	2.458	4.65%	547.917	8.567	1.56%	
9	Huyện Tân Hiệp	18.871	3.971	21.05%	160.127	12.465	7.78%	
10	Thành phố Phú Quốc	17.347	2.936	16.92%	450.671	21.175	4.70%	
11	Huyện Giồng Riềng	24.709	4.042	16.36%	130.788	4.923	3.76%	
12	Thành phố Hà Tiên	6.518	-	0.00%	868.364	94.915	10.93%	
13	Huyện U Minh Thượng	683	494	72.33%	101.046	10.521	10.41%	
14	Thành phố Rạch Giá	145.537	131.568	90.40%	646.811	16.653	2.57%	
15	Huyện Giang Thành	5.270	-	0.00%	73.236	10.452	14.27%	
	BẠC LIÊU (A+B)	**346.312**	**32.496**	**9.38%**	**4.166.551**	**430.187**	**10.32%**	
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**				**211.645**	**33.397**	**15.78%**	
I	**Bộ Quốc phòng**				**3.100**	**2.500**	**80.66%**	
1	091100004 - Đồn Biên phòng Cái cùng (666)/ BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Bạc Liêu				3.100	2.500	80.66%	
II	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**				**194.000**	**30.034**	**15.48%**	
1	7785572 - Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu				34.000	558	1.64%	
2	8022530 - DATP 7: "Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Đông Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu", thuộc DA "Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối giai đoạn 2021-2025"				64.000	3.283	5.13%	
3	8039168 - Dự án thành phần số 3: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Bạc Liêu thuộc DA CT trữ nước và HT cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				96.000	26.193	27.28%	
III	**Bộ Xây dựng**				**14.545**	**863**	**5.93%**	
1	7829262 - Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất - Gò Quao - Vĩnh Thuận				6.165	738	11.97%	
2	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				8.380	125	1.49%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**	**346.312**	**32.496**	**9.38%**	**3.954.906**	**396.790**	**10.03%**	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HĐND TỈNH GIAO)	**346.312**	**32.496**	**9.38%**	**3.954.906**	**396.790**	**10.03%**	
I	**Dự án tỉnh quản lý**	**249.199**	**322**	**0.13%**	**3.144.391**	**177.389**	**5.64%**	
I.1	**Ban QLDA ĐTXD CCT DD và CN tỉnh**	**2.480**	**-**	**0.00%**	**283.181**	**33.717**	**11.91%**	
1	7861122 - Cải tiến và phát triển cơ sở Vật chất trường ĐH Bạc Liêu	-			24.043	177	0.73%	
2	7878868 - XD Trường THPT Phan Ngọc Hiển	-			9.300	2.955	31.77%	
3	7942583 - Xây dựng trường THPT Gành Hào	1.044		0.00%	32.653	224	0.69%	
4	7967416 - Dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Bạc Liêu - Cơ sở 2 (giai đoạn 2)	-			9.687	2.238	23.10%	
5	7977724 - Dự án Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh	-			2.250	1.844	81.95%	
6	8090218 - Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các Trường Trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	-			10.717	7.567	70.60%	
7	7939596 - DA đầu tư xây dựng, mở rộng khu điều trị nội trú cho BVĐK tỉnh Bạc Liêu	-			114.280	8.554	7.49%	
8	7944405 - Xây dựng mới trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-			14.409	4.037	28.02%	
9	7976718 - Dự án Xây dựng nâng cấp, mở rộng Nhà Khách số 01 - Hùng Vương	-			32.150	-	0.00%	
10	7938743 - Xây dựng nâng cấp, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh (giai đoạn 2)	-			32.692	6.032	18.45%	
11	8141403 - Nâng cấp, cải tạo các khối nhà cơ sở 2, Trường Đại học Bạc Liêu	-			1.000	90	8.97%	
12	8030467 - Đầu tư cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Bạc Liêu	82		0.00%	-			
13	Dự án xây dựng sửa chữa, cải tạo, chống thấm dột và chống bám bẩn mai công trình các khối nhà A, B, C thuộc Trung tâm triển lãm văn hóa - nghệ thuật và Nhà hát Cao Văn Lầu	260		0.00%				
14	7253657 - Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	204		0.00%				
15	7529153 - Cấp điện nông thôn tại lưới điện quốc gia GĐ 2015-2020	40		0.00%				
16	8029369 - Xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trường chính trị Châu Văn Đặng	224		0.00%				
17	8030149 - Đầu tư cải tạo, nâng cấp 04 Trung Tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bạc Liêu	625		0.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
I.2	**Ban QLDA ĐTXD CCT giao thông tỉnh**	**10.091**	**300**	**2.98%**	**1.273.315**	**32.549**	**2.56%**	
1	7795767 - Dự án xây dựng tuyến đường từ thị trấn Phước Long,huyện Phước Long đến Ba Đình, huyện Hồng Dân	3.927	300	7.65%	230.740	17.032	7.38%	
2	7940684 - Xây dựng cầu Hòa Bình 2+ tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát	-			65.635	2.789	4.25%	
3	7944118 - Dự án đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	-			657.808	6.347	0.96%	
4	8000198 - Dự án đường Vành đai trong, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)	-			144.162	789	0.55%	
5	7795768 - Đầu tư tuyến đường liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuyến đường ĐT.980. Gành Hào - Giá Rai- Phó Sinh- Cạnh Đền nối với đường HCM đoạn Phó Sinh Cạnh Dền	-			174.970	5.592	3.20%	
6	7733569 - Xây dựng nâng cấp tuyến đường Ninh Quới Ngan Dừa huyện Hồng Dân	6.163		0.00%		-		
I.3	**Ban QLDA ĐTXD CCT NN và PTNT**	**126.263**	**22**	**0.02%**	**971.067**	**38.501**	**3.96%**	
1	7773584 - Xây dựng nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kệ	-			75.000	441	0.59%	
2	7669701 - Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu	17.627		0.00%	3.728	1.077	28.89%	
3	7669702 - Dự án sửa chữa nâng cấp mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp 7km đê cấp bách trên địa bàn thành phố Bạc Liêu	7.593		0.00%	15.000	131	0.88%	
4	7830064 - Kè chống ngập dọc tuyến Quốc Lộ 1A qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu	-			249.857	20.376	8.16%	
5	7935393 - Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu	-			45.000	-	0.00%	
6	8078588 - Dự án đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cống Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	-			80.000	-	0.00%	
7	Dự án kè chống sạt lở cửa sông ven biển thị trấn Gành Hào đoạn từ G4 đến G5	-			1.000	-	0.00%	
8	Kè chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ kênh 3 đến ngã 3 mũi tàu)|	-			1.000	-	0.00%	
9	Dự án khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào	-			1.000	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
10	Dự án Kè bờ sông thị trấn Gành Hào đoạn G6 (điểm đầu tại Rạch Góc và điểm cuối tại ngã 3 sông Gành Hào), huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	-			1.000	-	0.00%	
11	Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông cấp bách, chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu (từ Huyện Kệ đến hướng về chùa Linh Ứng)	-			1.000	-	0.00%	
12	Đầu tư dự án Xây dựng 07 cống ngăn mặn, chống triều cường bảo vệ sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	-			2.100	-	0.00%	
13	7935394 - Kè bờ sông thành phố Bạc Liêu	-			325.382	16.017	4.92%	
14	7896410 - Gia cố chống xói lở bờ biển Vĩnh Trạch Đông Nhà Mát TP Bạc Liêu	5.749	22	0.38%	-	-		
15	7969482 - Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão và bến cá Cái Cùng	-			170.000	459	0.27%	
16	7923617 - Xây dựng trụ sở quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh bão cho Tàu cá tỉnh Bạc Liêu	219		0.00%		-		
17	7669699 - ĐTXD CSHT phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở huyện Hòa Bình, Đông Hải và TP Bạc Liêu	7.244		0.00%		-		
18	7969483 - Xử lý xói lở và gia cố lòng sông thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu	86.384		0.00%		-		
19	7669700 - Xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê	999		0.00%		-		
20	7345574 - Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Gành Hào	446		0.00%		-		
I.4	**Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu**	**-**	**-**		**1.000**	**-**	**0.00%**	
1	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế triển khai kỹ thuật cao thuộc Đơn vị Tim mạch can thiệp của Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu				1.000	-	0.00%	
I.5	**Bệnh viện quân y tỉnh Bạc Liêu**	**-**	**-**		**1.000**	**-**	**0.00%**	
1	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh cho Bệnh viện Quân y tỉnh Bạc Liêu				1.000	-	0.00%	
I.6	**Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh**	**-**	**-**		**3.700**	**29**	**0.78%**	
1	091100017 - Dự án cải tạo, sửa chữa nhà ở cán bộ chiến sĩ và hội trường cơ quan BCH Bộ Đội Biên phòng tỉnh				3.700	29	0.78%	
I.7	**Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**	**3**	**-**	**0.00%**	**14.000**	**2.248**	**16.05%**	
1	091100008 - DA khu diễn tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu huấn luyện diễn tập KV phòng thủ tỉnh Bạc Liêu của Bộ CHQS tỉnh				14.000	2.248	16.05%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	091100012 - Đầu tư xây dựng đắp đê chống sạt lở bảo vệ Trường bắn và thao trường Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu	3		0.00%	-	-		
I.8	**Công an tỉnh**	**1.484**	**-**	**0.00%**	**18.893**	**6.812**	**36.06%**	
1	091100016 - Dự án Xây dựng Hội trường Công An tỉnh Bạc Liêu	308		0.00%	10.393	6.812	65.54%	
2	091900001 - Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Công an Phường 5, phường Nhà Mát, phường Láng Tròn thuộc Công an Tỉnh Bạc Liêu	-			500	-	0.00%	
3	091900002 - Cải tạo, nâng cấp cơ sở làm việc Công an huyện Hồng Dân thuộc Công an Tỉnh Bạc Liêu	-			8.000	-	0.00%	
4	091100011 - Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ triển khai thực hiện đề án 06/CP	1.176		0.00%		-		
I.9	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**737**	**-**	**0.00%**	**7.000**	**-**	**0.00%**	
1	8031855 - Công trình Cải tạo, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Bạc Liêu thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	737		0.00%	-	-		
2	Dự án trường THPT Nguyễn Trung Trực (xây dựng bổ sung 16 phòng học, 6 phòng bộ môn, 10 phòng chức năng, sân tập TDTT)	-			1.000	-	0.00%	
3	Dự án trường THPT Ninh Thạnh Lợi (xây dựng bổ sung 10 phòng bộ môn, 13 phòng chức năng, sân tập TDTT)	-			1.000	-	0.00%	
4	Dự án trường THPT Lê Thị Riêng (Xây dựng bổ sung 10 phòng bộ môn, 16 phòng chức năng, các công trình phụ trợ)	-			1.000	-	0.00%	
5	Dự án xây dựng trường THPT Tân Phong (giai đoạn 2)	-			1.000	-	0.00%	
6	Dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa THPT Hiệp Thành	-			1.000	-		
7	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Điền Hải	-			500	-		
8	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Định Thành	-			500	-	0.00%	
9	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Trần Văn Bảy	-			500	-	0.00%	
10	Dự án cải tạo, sửa chữa, bổ sung CSVC trường THPT Ninh Quới	-			500	-	0.00%	
I.10	**Sở nội vụ**	**8.492**	**-**	**0.00%**	**2.726**	**-**	**0.00%**	
1	8049936 - Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp , việc làm bền vững	8.492		0.00%	2.726	-	0.00%	
I.11	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**	**-**	**-**		**14.000**	**-**	**0.00%**	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	7474227 - XD hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến 2015-2018				14.000	-	0.00%	
I.12	**Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**	**19.866**	**-**	**0.00%**	**11.550**	**2.526**	**21.87%**	
1	8059519 - Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của Đoàn nghệ thuật tổng hợp Khmer và Đoàn cải lương Cao Văn Lầu				2.900	2.526	87.11%	
2	8060590 - Tu bổ, chống xuống cấp di tích Khu lưu niệm nhạc sỹ Cao Văn Lầu				3.400	-	0.00%	
3	8068515 - Tu bổ, chống xuống cấp di tích kiến trúc nghệ thuật Đình An Trạch				950	-	0.00%	
4	Tu bổ, chống xuống cấp di tích lịch sử cấp Quốc gia Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu				500	-	0.00%	
5	8091221 - Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				3.800	-	0.00%	
6	7756550 - Dự án trưng bày nội thất Bảo tàng tổng hợp tỉnh Bạc Liêu trong khối nhà B, C	19.866		0.00%		-		
I.13	**Sở Xây dựng**	**-**	**-**		**39.100**	**9.880**	**25.27%**	
1	7929522 - Cải tạo, sửa chữa định kỳ các tuyến đường bô do tỉnh quản lý				39.100	9.880	25.27%	
I.14	**Sở y tế**	**55**	**-**	**0.00%**	**4.000**	**-**	**0.00%**	
1	Dự án đầu tư mở rộng trung tâm y tế thành phố Bạc Liêu	-			1.000	-	0.00%	
2	Dự án đầu tư mở rộng trung tâm y tế huyện Hòa Bình	-			1.000	-	0.00%	
3	Dự án đầu tư mở rộng trung tâm y tế huyện Đông Hải	-			1.000	-	0.00%	
4	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	-			1.000	-	0.00%	
5	8033105 - Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở làm việc Sở Y tế	55		0.00%		-		
I.15	**TT dịch vụ đô thị tỉnh**	**-**	**-**		**14.000**	**11.899**	**84.99%**	
1	8120637 - Chỉnh trang đô thị chào mừng Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025				14.000	11.899	84.99%	
I.16	**Thanh tra tỉnh**	**-**	**-**		**500**	**-**	**0.00%**	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở Thanh tra tỉnh				500	-	0.00%	
I.17	**Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh BL**	**2.988**	**-**	**0.00%**	**88.900**	**10.534**	**11.85%**	
1	8040076 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Đông Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi	499		0.00%	11.500	1.465	12.74%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	8040077 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Thống Nhất, xã Ninh Thạnh Lợi A, huyện Hồng Dân	484		0.00%	11.500	3.738	32.51%	
3	8040078 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân	468		0.00%	11.500	3.796	33.01%	
4	8060591 - Dự án TP số 3: Các công trình CNTT NT tỉnh Bạc Liêu (phần đối ứng của tỉnh) thuộc DA công trình trữ nước và HTCN SH tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	205		0.00%	54.400	1.534	2.82%	
5	7939593 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Nhân dân B, xã Tân Phong, TX Giá Rai	941		0.00%		-		
6	7939595 - Hệ thống cấp nước sạch ấp Lộ xe, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân	390		0.00%		-		
I.18	**UBND huyện Đông Hải**	**1.707**	**-**	**0.00%**	**73.500**	**13.069**	**17.78%**	
1	7941878 - Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu, Huyện Đông Hải	-			15.500	-	0.00%	
2	7957475 - Xây dựng tuyến đường từ cầu Tư Cồ đến chùa Linh Ứng huyện Đông Hải	-			58.000	13.069	22.53%	
3	8121003 - Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Điền Hải đến năm 2045	1.707		0.00%		-		
I.19	**UBND huyện Hòa Bình**	**-**	**-**		**15.900**	**25**	**0.16%**	
1	7944227 - Xây dựng trường Trung học Cơ sở Xã Vĩnh Mỹ A				11.500	25	0.22%	
2	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu đến năm 2040				2.300	-	0.00%	
3	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình đến năm 2045				2.100	-	0.00%	
I.20	**UBND huyện Hồng Dân**	**19.851**	**-**	**0.00%**	**100.000**	**1.371**	**1.37%**	
1	8064487 - Xây dựng tuyến đường từ Trèm Trẹm đến Xẻo Quao, thị trấn Ngan Dừa.	-			100.000	1.371	1.37%	
2	7876530 - XD các tuyến đê ngăn mặn cấp bách kết hợp đường giao thông để bảo vệ, phát triển vùng tôm - lúa huyện Hồng Dân	19.851		0.00%		-		
I.21	**UBND huyện Vĩnh Lợi**	**34.264**	**-**	**0.00%**	**52.800**	**4.930**	**9.34%**	
1	7904773 - Xây dựng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Minh Nhựt, huyện Vĩnh Lợi	-			12.800	4.213	32.92%	
2	7878867 - XD các ô đê bao ngăn mặn cấp bách kết hợp các công trình GT để bảo vệ và phát triển vùng sx lúa và NTTS huyện Vĩnh Lợi	13.669		0.00%	10.000	-	0.00%	
3	8132534 - Nâng cấp, mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1 đến Vĩnh Hưng (ĐT.980B) – Giai đoạn 1	-			30.000	717	2.39%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	7904772 - Xây dựng tuyến đường tránh chợ Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi	18.000		0.00%		-		
5	8092349 - Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Vĩnh Hưng đến năm 2045	1.402		0.00%		-		
6	8092348 - Quy hoạch chung đô thị Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi đến năm 2045	1.193		0.00%		-		
I.22	**UBND thành phố Bạc Liêu**	**1.900**	**-**	**0.00%**	**17.670**	**8.286**	**46.89%**	
1	8000199 - Dự án Xây dựng Trường Tiểu học Phùng Ngọc Liêm	-			15.322	6.938	45.28%	
2	8000200 - Dự án Nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Bạc Liêu	-			1.348	1.348	99.98%	
3	Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	-			1.000	-	0.00%	
4	8060679 - Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bạc Liêu đến năm 2045.	1.900		0.00%		-		
I.23	**UBND thị xã Giá Rai**	**1.000**	**-**	**0.00%**	**134.500**	**1.013**	**0.75%**	
1	7995933 - Đầu tư kết cấu hạ tầng hết hợp kiên cố hóa ô đê bao phục vụ sản xuất nông nghiệp thị xã Giá Rai	-			54.500	253	0.46%	
2	8068517 - Đầu tư nâng cấp đường dẫn vào cầu Trần Văn Sớm	-			25.000	440	1.76%	
3	7868280 - Kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn thị xã Gía Rai	-			55.000	320	0.58%	
4	Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Khúc Tréo - Tân Lộc	1.000		0.00%		-		
I.24	**Chưa phân khai**	**-**	**-**		**2.089**	**-**	**0.00%**	
1	Các công trình quyết toán hoàn thành				1.000	-	0.00%	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025				1.089	-	0.00%	
I.26	**Văn phòng UBND tỉnh**	**2.516**	**-**	**0.00%**	**-**	**-**		
1	8000203 - Dự án Cải tạo. sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh	2.516		0.00%		-		
I.27	**Sở Khoa học và công nghệ**	**15.503**	**-**	**0.00%**	**-**	**-**		
1	8100096 - Công trình Cải tạo sửa chữa khối nhà phía trước trong khuôn viên Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, bố trí trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở KH&CN	1.094		0.00%		-		
2	8082199 - Mua sắm giải pháp đảm bảo an toàn thông tin kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	14.410		0.00%				
II	**Huyện, thành phố quản lý**	**97.113**	**32.173**	**33.13%**	**810.515**	**219.401**	**27.07%**	
1	TP Bạc Liêu	32.379	7.187	22.20%	59.333	14.377	24.23%	
2	Huyện Phước Long	8.644		0.00%	101.008	24.875	24.63%	
3	Huyện Hòa Bình				48.481	13.947	28.77%	
4	Thị xã Giá Rai	14.761	2.173	14.72%	232.741	50.680	21.78%	
5	Huyện Hồng Dân	24.936	11.455	45.94%	74.751	29.303	39.20%	
6	Huyện Đông Hải	1.550		0.00%	159.707	52.556	32.91%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
7	Huyện Vĩnh Lợi	14.843	11.358	76.52%	134.494	33.663	25.03%	
	CÀ MAU (A+B)	**82.451**	**9.917**	**12.03%**	**6.407.839**	**1.345.354**	**21.00%**	
A	**DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ**				**104.000**	**19.913**	**19.15%**	
I	**Bộ Nông nghiệp và Môi trường**				**69.000**	**7.665**	**11.11%**	
1	8036900 - Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Cà Mau				69.000	7.665	11.11%	
II	**Bộ Xây dựng**				**35.000**	**12.248**	**35.00%**	
1	7054240 - Dự án đường Hành lang ven biển phía Nam trên địa phận Việt Nam				11.000	11.000	100.00%	
2	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				24.000	1.248	5.20%	
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**	**82.451**	**9.917**	**12.03%**	**6.303.839**	**1.325.441**	**21.03%**	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HĐND TỈNH GIAO)	**82.451**	**9.917**	**12.03%**	**6.303.839**	**1.325.441**	**21.03%**	
I	**Dự án tỉnh quản lý**	**47.992**	**7.485**	**15.60%**	**5.451.855**	**1.080.591**	**19.82%**	
I.1	**Ban Quản lý các dự án ODA và NGO**	**14.756**	**4.820**	**32.66%**	**309.944**	**16.624**	**5.36%**	
1	Dự án Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau (Dự án thành phần cấp địa phương tại tỉnh Cà Mau)			0.00%	183.209	2.771	1.51%	
2	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau			0.00%	107.900	9.610	8.91%	
3	Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau	14.172	4.820	34.01%	9.466		0.00%	
4	Trường THPT U Minh, huyện U Minh			0.00%	9.200	4.073	44.27%	
5	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 19 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Cà Mau	584	-	0.00%		-	0.00%	
6	Xây dựng Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển			0.00%	169	169	100.00%	
I.2	**Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng**			**0.00%**	**2.534.506**	**311.318**	**12.28%**	
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh			0.00%	2.229.382	267.134	11.98%	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Cà Mau			0.00%	172.000	13.879	8.07%	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Đoàn nghệ thuật Khmer			0.00%	9.044	2.752	30.43%	
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở hành chính huyện Đầm Dơi			0.00%	19.000	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
5	Dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh Cà Mau			0.00%	20.000	6.180	30.90%	
6	Dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo công trình Di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Là			0.00%	80.000	21.125	26.41%	
7	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục cấp thiết của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau và các cơ sở do Đài quản lý			0.00%	5.000	221	4.41%	
8	Dự án đầu tư trùng tu, tôn tạo di tích Căn cứ Tỉnh ủy tại Lung Lá - Nhà Thể.			0.00%	27	27	100.00%	
9	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai			0.00%	53		0.00%	
I.3	**Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông**			**0.00%**	**828.657**	**156.747**	**18.92%**	
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội			0.00%	269.894	47.344	17.54%	
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Phường 4, Phường 9, thành phố Cà Mau			0.00%	18.500	748	4.04%	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau			0.00%	18.600	923	4.96%	
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc, thành phố Cà Mau			0.00%	45.263	-	0.00%	
5	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế			0.00%	50.000	12.496	24.99%	
6	Dự án đầu tư xây dựng cụm Tượng đài kỷ niệm chuyến tàu tập kết ra Bắc năm 1954 và hệ thống đường giao thông			0.00%	35.000	12.346	35.28%	
7	Dự án xây dựng tuyến đường từ đường trục chính Đông - Tây đến chợ Chà Là, huyện Đầm Dơi			0.00%	56.400	1.690	3.00%	
8	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cà Bẹ, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi			0.00%	20.000	1.099	5.50%	
9	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời			0.00%	41.000	1.091	2.66%	
10	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vịnh (ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn			0.00%	25.000	2.451	9.80%	
11	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào			0.00%	100.000	14.724	14.72%	
12	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)			0.00%	37.000	7.305	19.74%	
13	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm			0.00%	2.000	1.308	65.39%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
14	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường Phan Ngọc Hiển			0.00%	110.000	53.221	48.38%	
I.4	**Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau**			**0.00%**	**5.000**	**4.956**	**99.12%**	
1	Dự án đầu tư Hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			0.00%	5.000	4.956	99.12%	
I.5	**Công An Tỉnh**			**0.00%**	**13.000**	**6.632**	**51.02%**	
1	Cơ dở làm việc khối cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau			0.00%	13.000	6.632	51.02%	
I.6	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**			0.00%	**67.500**	-	0.00%	
1	Dự án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025			0.00%	67.500	-	0.00%	
I.7	**Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi**	**29.218**	**2.660**	**9.10%**	**35.690**	**913**	**2.56%**	
1	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi			0.00%	5.000	586	11.72%	
2	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi			0.00%	30.500	327	1.07%	
3	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đường Đầm Dơi - Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi (đoạn từ cầu Thầy Chương đến cầu Thanh Tùng)	29.218	2.660	9.10%			0.00%	
4	Trụ sở hành chính xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi			0.00%	190	-	0.00%	
I.8	**Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn**			**0.00%**	**40.445**	**5.399**	**13.35%**	
1	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn			0.00%	5.000	1.942	38.83%	
2	Trường THCS Hàng Vịnh, huyện Năm Căn			0.00%	4.000	2.122	53.05%	
3	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (Xẻo Lớn, Ông Do, Cái Trăng, Kênh Lò, Chệt Còm, Lương Thực) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn			0.00%	30.000	1.326	4.42%	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường Châu Văn Đặng			0.00%	1.140	10	0.88%	
5	Trường THCS Phan Ngọc Hiển, huyện Năm Căn			0.00%	305	-	0.00%	
I.9	**Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân**	**2.010**		**0.00%**	**4.000**	**2.380**	**59.49%**	
1	Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân			0.00%	4.000	2.380	59.49%	
2	Đầu tư xây dựng các cầu (Cái Bát, kênh Ông Xe) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	2.010		0.00%				
I.10	**Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình**			**0.00%**	**10.000**	**455**	**4.55%**	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (cầu Thầy Vinh, cầu Trâu Trắng, cầu C4) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình			0.00%	10.000	455	4.55%	
I.11	**Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau**			**0.00%**	**861.495**	**558.414**	**64.82%**	
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau			0.00%	861.495	558.414	64.82%	
I.12	**Vườn Quốc gia U Minh hạ**			**0.00%**	**24.682**	**3.652**	**14.79%**	
1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường giao thông Vườn Quốc gia U Minh hạ			0.00%	24.682	3.652	14.79%	
I.13	**Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời**	**645**		**0.00%**				
1	Đầu tư xây dựng công trình cầu Khánh Hải trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	645		0.00%				
I.14	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**	**504**	**-**	**0.00%**	**20**	**-**	**0.00%**	
1	Mô hình thí điểm "Phát triển sản phẩm OCOP chế biến từ chuối gắn với vùng nguyên liệu hữu cơ tại xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau"	504		0.00%				
2	Đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng X - Nam Cà Mau thuộc Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL - WB6)				20		0.00%	
I.15	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**295**	**5**	**1.69%**				
1	Trường Tiểu học A Khánh Bình Tây	154	5	3.25%				
2	Đầu tư xây dựng bếp ăn Trường Tiểu học Võ Trường Toản	141		0.00%				
I.16	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**58**	**0**	**0.00%**				
1	Dự án đầu tư trang bị cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin cho TTDVL tỉnh Cà Mau thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	58		0.00%				
I.16	**Sở Dân tộc và Tôn giáo**				**3.450**	**95**	**2.75%**	
1	Xây dựng Bổ sung nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng (Salatel) cho vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau				3.450	95	2.75%	
I.16	**Ban NN và PTNT tỉnh Cà Mau**				**13.008**	**13.008**	**100.00%**	
1	0961.7296707-DA đầu tư xây dựng kè cấp bách tại Tân Thuận Đầm Dơi				13.008	13.008	100.00%	
I.17	**Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau**				**38**	**-**	**0.00%**	
1	Dự án Bảo vệ và phát triển Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau				38	-	0.00%	
I.17	**Kế hoạch vốn chưa phân khai**	**506**		**0.00%**	**700.419**	**-**	**0.00%**	
1	Kế hoạch vốn chưa phân khai	506		0.00%	700.419		0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
II	**Huyện, thành phố quản lý**	**34.459**	**2.433**	**7.06%**	**851.984**	**244.850**	**28.74%**	
1	Thành phố Cà Mau	678		0.00%	136.238	56.448	41.43%	
2	Huyện Đầm Dơi	3.528	199	5.64%	164.578	52.660	32.00%	
2	Thới Bình	7.991	228	2.85%	76.860	17.062	22.20%	
3	Cái Nước	1.475	40	2.71%	87.364	22.126	25.33%	
6	Năm Căn	3	3	100.00%	82.292	27.476	33.39%	
7	Trần Văn Thời	4.410	800	18.14%	108.089	15.179	14.04%	
8	U Minh	2.259	421	18.64%	88.169	32.875	37.29%	
9	Phú Tân	295		0.00%	43.474	9.997	23.00%	
10	Ngọc Hiển	13.821	742	5.37%	64.920	11.027	16.99%	

Kiên Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX

Dương Văn Đông